

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 20 /2025/NQ-HĐND

Nghệ An, ngày 03 tháng 11 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh Nghệ An

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thú y số 79/2015/QH13;

Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14;

Căn cứ Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ số 04/2017/QH14;

Căn cứ Nghị định số 116/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật;

Xét Tờ trình số 9870/TTr-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về các mức hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh Nghệ An như sau:

1. Hỗ trợ cơ sở sản xuất có động vật, sản phẩm động vật buộc phải tiêu hủy do dịch bệnh động vật thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch hoặc Danh mục bệnh truyền lây giữa động vật và người hoặc bệnh do tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới xuất hiện trên lãnh thổ Việt Nam được xác định theo quy định của pháp luật.

2. Hỗ trợ người tham gia khắc phục dịch bệnh động vật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ sở sản xuất là cá nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ có hoạt động chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản.

2. Người tham gia khắc phục dịch bệnh động vật theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 116/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.

3. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Mức hỗ trợ đối với cơ sở sản xuất

1. Đối với cơ sở sản xuất động vật trên cạn:

- a) Trâu, bò, ngựa, dê: 50.000 đồng/kg hơi;
- b) Cừu, hươu sao: 55.000 đồng/kg hơi;
- c) Lợn: 40.000 đồng/kg hơi;
- d) Gà, vịt, ngan, ngỗng, bồ câu: 35.000 đồng/kg hơi;
- đ) Chim cút: 20.000 đồng/kg hơi;
- e) Đà điểu: 50.000 đồng/kg hơi;
- g) Trứng gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng, bồ câu, chim cút, đà điểu): 20.000 đồng/kg.

2. Đối với cơ sở sản xuất động vật thủy sản:

- a) Tôm hùm giống: 10.000 đồng/con.
- b) Tôm giống (tôm thẻ chân trắng, tôm sú) từ giai đoạn hậu ấu trùng Postlarvae 12 trở lên: 10.000.000 đồng/01 triệu con;
- c) Cá giống (cá biển, cá tra, cá truyền thống, cá rô phi, cá nước lạnh): 10.000 đồng/kg;
- d) Diện tích nuôi tôm sú quảng canh (nuôi tôm lúa, tôm sinh thái, tôm rừng, tôm kết hợp): 9.000.000 đồng/ha;
- đ) Diện tích nuôi tôm sú (bán thâm canh, thâm canh): 12.000.000 đồng/ha;
- e) Diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng: 20.000.000 đồng/ha (mật độ nuôi từ 50 - 100 con/m²); 30.000.000 đồng/ha (mật độ nuôi từ trên 100 - 250 con/m²); 50.000.000 đồng/ha (mật độ nuôi từ trên 250 con/m²);
- g) Diện tích nuôi cá truyền thống, các loài cá bản địa: 10.000.000 đồng/ha;
- h) Diện tích nuôi cá tra thâm canh: 50.000.000 đồng/ha;
- i) Diện tích nuôi cá rô phi thâm canh: 30.000.000 đồng/ha;
- k) Cá nước lạnh (tầm, hồi) nuôi thâm canh: 20.000 đồng/kg;

- l) Thủy sản nước ngọt nuôi lồng, bè: 5.000 đồng/kg;
- m) Hải sản nuôi lồng, bè: 10.000 đồng/kg;
- n) Diện tích nuôi nghêu (ngao) bãi triều: 15.000.000 đồng/ha.

Điều 4. Mức hỗ trợ đối với người tham gia khắc phục dịch bệnh động vật

1. Người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước, trong thời gian được huy động tham gia phòng, chống dịch bệnh động vật được hỗ trợ: 400.000 đồng/người/ngày đối với ngày làm việc; 500.000 đồng/người/ngày đối với ngày nghỉ, lễ, tết.

2. Người hưởng lương từ ngân sách nhà nước, trong thời gian được phân công, huy động tham gia phòng, chống dịch bệnh động vật được hỗ trợ: 150.000 đồng/người/ngày đối với ngày làm việc; 300.000 đồng/người/ngày đối với ngày nghỉ, lễ, tết.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện, nguyên tắc hỗ trợ từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương

1. Đối với cá nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có hoạt động chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bị thiệt hại do dịch bệnh động vật tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này; điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i, k, l, m khoản 2 Điều 3 Nghị quyết này; người tham gia khắc phục dịch bệnh động vật không hưởng lương từ ngân sách nhà nước tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết này. Thực hiện theo nguyên tắc hỗ trợ từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, như sau:

- Ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh hỗ trợ: 95%.
- Ngân sách cấp xã, phường: 5%.
- Trường hợp các địa phương có mức độ thiệt hại lớn, nếu phần ngân sách xã, phường đảm bảo trong năm vượt quá 50% dự phòng ngân sách được Ủy ban nhân dân tỉnh giao, ngân sách tỉnh sẽ bổ sung phần chênh lệch vượt 50% dự phòng ngân sách để có đủ nguồn kinh phí thực hiện.

2. Đối với cá nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có hoạt động nuôi nghêu (ngao) bãi triều bị thiệt hại do dịch bệnh: Ngân sách địa phương đảm bảo 100% mức hỗ trợ theo quy định tại điểm n khoản 2 Điều 3 Nghị quyết này (trong đó Ngân sách tỉnh: 80%; Ngân sách xã, phường: 20%).

3. Đối với doanh nghiệp nhỏ có hoạt động chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bị thiệt hại do dịch bệnh động vật: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 30% mức hỗ trợ quy định tại Điều 3 Nghị quyết này.



4. Đối với người tham gia khắc phục dịch bệnh động vật tại khoản 2 Điều 4 Nghị quyết này: Các cơ quan, đơn vị phân công, huy động người tham gia khắc phục dịch bệnh động vật sử dụng dự toán được cấp có thẩm quyền giao để hỗ trợ người của cơ quan, đơn vị mình tham gia khắc phục dịch bệnh động vật.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 7. Quy định chuyển tiếp

Đối với hồ sơ đề nghị hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật xảy ra từ ngày 25 tháng 7 năm 2025 đến trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, việc hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 13 tháng 11 năm 2025.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An Khoá XVIII, Kỳ họp thứ 33 thông qua ngày 03 tháng 11 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để b/c);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Bộ Tư pháp (Cục KTVB&QLXPVPHC);
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Cơ quan UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Thi hành án dân sự tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Website: <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Hoàng Nghĩa Hiếu